

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng. - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 12, thôn X, xã N, huyện S, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T (xóm 3 cũ), xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H; ý kiến của bị đơn là anh Trần Văn Q tại văn bản ngày 20/4/2021 và các tài liệu chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Văn Q tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, Thành phố Hà Nội.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

* *Chị Nguyễn Thị H cho rằng:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống cùng nhà với mẹ chồng ở xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam, quá trình chung sống chị mới biết anh Q thường hay đi chơi bời, cờ bạc vì có nhiều người đến đòi nợ anh Q nên nhiều lần anh Q phải bỏ nhà đi trốn nợ, không quan tâm đến vợ con, gia đình; mặt khác chị nghe nhiều người nói anh Q còn ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ

chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau căng thẳng. Đến giáp Tết âm lịch năm 2009, chị bị tai nạn giao thông, phải điều trị thương tích khoảng 03 tháng, sau đó chị xin phép gia đình nhà chồng về nhà mẹ đẻ chị ở xã N, huyện S, Thành phố Hà Nội để tìm việc làm, kiếm tiền chữa bệnh và nuôi con, vợ chồng chị chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Đến tháng 5/2020, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh Q vì anh Q bỏ mặc mẹ con chị, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, nên chị đã làm đơn ly hôn với anh Q. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

* *Anh Trần Văn Q cho rằng*: Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì chị H xin phép lên giúp mẹ đẻ vài năm, đến năm 2015 anh Q gọi về thì chị H không về nên vợ chồng cãi nhau, từ đó vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, anh Q hoàn toàn nhất trí.

- *Về con chung*: Chị H và anh Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Công M, sinh ngày 07/8/2005, do chị H đang nuôi dưỡng.

Chị H và anh Q đề nghị: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị H và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Q vắng mặt không có lý do; chị Huân có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

* *Tại phiên tòa*: Vắng mặt các đương sự

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H và anh Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị H - anh Q theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Đề nghị giao cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Q đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Q là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, Thành phố Hà Nội.

Chị H và anh Q cùng xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng đôi bên đều đưa ra nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau. Chị H và anh Q đã mâu thuẫn kéo dài và từ năm 2015 đến nay vợ chồng ly thân, không quan tâm tới cuộc sống chung. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Công M, sinh ngày 07/8/2005, do chị H đang nuôi dưỡng và cháu M có nguyện vọng được ở với chị H. Nguyện vọng của cháu M là phù hợp với quan điểm của chị H và anh Q nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Công M, sinh ngày 07/8/2005 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đồi trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003786 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã N, S, Hà Nội;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đinh Thành Nam